

**PHÁP LUẬT VỀ THƯƠNG MẠI HÓA BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ
TẠI VIỆT NAM**

ĐỖ THỊ DIỆN*

Ngày nhận bài: 07/6/2026

Ngày phản biện: 22/6/2026

Ngày đăng bài: 25/8/2026

Tóm tắt:

Bài viết nghiên cứu các quy định pháp luật về thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế của Việt Nam trong sự so sánh với pháp luật Trung Quốc, làm rõ các hình thức thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế, bao gồm chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển quyền sử dụng. Trên cơ sở đánh giá thực trạng cấp bằng độc quyền sáng chế và hoạt động thương mại hóa sáng chế tại Việt Nam, chỉ ra một số hạn chế của pháp luật hiện hành. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế từ kinh nghiệm của Trung Quốc, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Từ khóa:

Thương mại hóa, bằng độc quyền sáng chế, Việt Nam, Trung Quốc.

Abstract:

This article examines Vietnam's legal framework governing the commercialization of patented inventions through a comparative analysis with Chinese law. It clarifies the principal forms of patent commercialization, including the assignment of patent ownership rights and the licensing of patent use rights. Based on an assessment of the current situation regarding patent grants and patent commercialization activities in Vietnam, the article identifies several shortcomings in the existing legal framework. Drawing on China's experience, the article proposes a number of recommendations for improving Vietnam's laws on patent commercialization, thereby enhancing the effective exploitation of intellectual property assets and promoting innovation in the context of international integration.

Keywords:

Commercialization, patent, Vietnam, China.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển vượt bậc của khoa học công nghệ, việc bảo vệ và khai thác giá trị từ những sáng chế đã được cấp bằng độc quyền ngày càng trở thành yếu

* TS., Giảng viên Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: diendt@hul.edu.vn

tổ then chốt trong chiến lược phát triển kinh tế của các quốc gia. Một trong những phương thức hiệu quả để thương mại hóa sáng chế là cấp bằng độc quyền, tạo cơ hội cho các tổ chức và cá nhân khai thác lợi ích kinh tế từ các tài sản trí tuệ của mình. Ở Việt Nam, mặc dù hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ (SHTT) đã có những bước tiến quan trọng, việc thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế vẫn đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình thực hiện. Bài viết phân tích các quy định về thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế theo pháp luật Việt Nam và Trung Quốc, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu của mỗi hệ thống pháp luật; đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật của Việt Nam, tạo môi trường thuận lợi cho sự sáng tạo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế trong nghiên cứu đổi mới sáng tạo từ kinh nghiệm của Trung Quốc.

2. Quy định pháp luật về thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế

Để khai thác thương mại hóa đối với bằng độc quyền sáng chế, điều kiện là sáng chế phải được cấp văn bằng bảo hộ. Theo Điều 58 Luật SHTT năm 2005 sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022 và 2025 (Văn bản hợp nhất số 67/VBHN-VPQH năm 2026), để được cấp bằng độc quyền sáng chế phải đáp ứng được các điều kiện nhất định như có tính mới, có trình độ sáng tạo và có khả năng áp dụng công nghiệp¹. Quy định này của Luật SHTT Việt Nam tương đồng với Điều 27.1 Hiệp định TRIPS¹: Bằng sáng chế có thể được cấp cho bất kỳ sáng chế nào, bất kể là sản phẩm hay quy trình, trong tất cả các lĩnh vực công nghệ với điều kiện sáng chế đó là mới, có trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp. Đồng thời, theo Điều 22 Luật Sáng chế Trung Quốc quy định: *Sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp bằng độc quyền sáng chế phải đáp ứng các yêu cầu về tính mới, tính sáng tạo và tính ứng dụng thực tiễn*². Sáng chế có bản chất là tạo ra phương tiện mới, sản phẩm mới về nguyên lý kỹ thuật, chưa từng tồn tại hoặc đã tồn tại trong một nhóm nhỏ song không phổ biến và là bí mật đối với cộng đồng. Bên cạnh đó, sáng chế còn có một số đặc điểm nổi bật như: khả năng áp dụng trực tiếp hoặc qua thử nghiệm để ứng dụng vào sản xuất và đời sống; có giá trị thương mại, thông qua bằng sáng chế (patent) và giấy phép (license); được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; và bị tiêu vong theo sự tiến bộ của công nghệ³.

Theo Điều 124 Luật SHTT hợp nhất số 67/VBHN-VPQH năm 2026 quy định việc sử dụng sáng chế là thực hiện: Sản xuất sản phẩm được bảo hộ; áp dụng quy trình được bảo hộ; khai thác công dụng của sản phẩm được bảo hộ hoặc sản phẩm được sản xuất theo quy trình được bảo hộ; lưu thông, quảng cáo, chào hàng, tàng trữ để lưu thông sản phẩm và nhập khẩu sản phẩm. Quy định này tương đồng với Điều 11 Luật Sáng chế Trung Quốc: *Sau khi được cấp bằng độc quyền sáng chế, trừ trường hợp Luật này có quy định khác, không một tổ chức,*

¹ Xem thêm tại Điều 27.2 Hiệp định TRIPS (Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ).

² Xem thêm tại Điều 22 Luật Sáng chế Trung Quốc, http://www.npc.gov.cn/zgrdw/englishnpc/Law/2007-12/13/content_1383992.htm, truy cập ngày 10/5/2026.

³ Lê Đức Hiền (2021), *Pháp luật về khai thác thương mại đối với sáng chế của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Tạp chí Pháp luật và Kinh tế, số 5 (350) - 2021, tr.26.

cá nhân nào được phép khai thác bằng độc quyền sáng chế của chủ bằng, bao gồm sản xuất, kinh doanh, chế tạo, sử dụng, chào bán, bán, nhập khẩu sản phẩm được cấp bằng, sử dụng quy trình được cấp bằng, sử dụng, chào bán, bán, nhập khẩu sản phẩm trực tiếp thu được theo quy trình được cấp bằng, nếu không được chủ bằng cho phép⁴. Qua đó, có thể nhận định rằng pháp luật SHTT của Việt Nam và Trung Quốc chưa có quy định cụ thể khái niệm về thương mại hóa bằng độc quyền với sáng chế. Điều kiện để thương mại hóa là sáng chế phải được cấp bằng độc quyền, đang còn hiệu lực bảo hộ và không rơi vào các trường hợp bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng đối với sáng chế theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tại Điều 45, 46 Luật SHTT hợp nhất số 67/VBHN-VPQH năm 2026 và Điều 49 Luật Sáng chế Trung Quốc⁵.

Thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế là hoạt động chủ sở hữu khai thác các khía cạnh thương mại của sáng chế sau khi được cấp văn bằng bảo hộ thông qua các hình thức thương mại hóa phổ biến như: (i) Chủ sở hữu tự khai thác; (ii) Thông qua chuyển giao quyền theo hai phương thức là: chuyển nhượng quyền hoặc chuyển giao quyền sử dụng (li-xăng) cho bên nhận; (iii) Hợp tác kinh doanh dưới hình thức góp vốn. Chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế có thể lựa chọn cách thức phù hợp và có lợi nhất. Trong phạm vi bài viết, tác giả tập trung phân tích ở hai phương thức là: chuyển nhượng quyền và chuyển quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế.

Thứ nhất, chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với bằng độc quyền sáng chế. Theo Điều 138 Luật SHTT hợp nhất số 67/VBHN-VPQH năm 2026 quy định: Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế là việc chủ sở hữu sáng chế chuyển giao quyền sở hữu của mình cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng sáng chế phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản (gọi là hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế). Theo khoản 1 Điều 139 Luật SHTT hợp nhất số 67/VBHN-VPQH năm 2026 thì chủ sở hữu sáng chế chỉ được chuyển nhượng quyền của mình trong phạm vi được bảo hộ.

Thứ hai, chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đối với sáng chế. Chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp đối với sáng chế là việc chủ sở hữu sáng chế cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng sáng chế thuộc phạm vi quyền sử dụng của mình. Việc chuyển quyền sử dụng sáng chế phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản, gồm các dạng sau đây: (i) Hợp đồng độc quyền là hợp đồng mà theo đó trong phạm vi và thời hạn chuyển giao, bên được chuyển quyền được độc quyền sử dụng Sáng chế, bên chuyển quyền không được ký kết hợp đồng sử dụng sáng chế với bất kỳ bên thứ ba nào và chỉ được sử dụng sáng chế đó nếu được phép của bên được chuyển quyền; (ii) Hợp đồng không độc

⁴ Xem thêm tại Điều 11 Luật Sáng chế Trung Quốc, truy cập tại http://www.npc.gov.cn/zgrdw/englishnpc/Law/2007-12/13/content_1383992.htm, truy cập ngày 10/5/2026.

⁵ Xem thêm tại Điều 49 Luật Sáng chế Trung Quốc, truy cập tại http://www.npc.gov.cn/zgrdw/englishnpc/Law/2007-12/13/content_1383992.htm, truy cập ngày 10/5/2026.

quyền là hợp đồng mà theo đó trong phạm vi và thời hạn chuyển giao quyền sử dụng, bên chuyển quyền vẫn có quyền sử dụng sáng chế, quyền ký kết hợp đồng sử dụng sáng chế không độc quyền với người khác; (iii) Hợp đồng sử dụng sáng chế thứ cấp là hợp đồng mà theo đó bên chuyển quyền là người được chuyển giao quyền sử dụng sáng chế đó theo một hợp đồng khác được quy định tại Điều 143 Luật SHTT hợp nhất số 67/VBHN-VPQH năm 2026. Phải tuân thủ quy định hạn chế việc chuyển quyền sử dụng đối với sáng chế như: Bên được chuyển quyền sử dụng sáng chế theo hợp đồng độc quyền có nghĩa vụ sử dụng sáng chế như chủ sở hữu sáng chế theo quy định tại khoản 1 Điều 136 của Luật SHTT hợp nhất số 67/VBHN-VPQH năm 2026.

Đối với hình thức chuyển quyền sử dụng đối tượng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế lưu ý không được đưa vào hợp đồng các điều khoản hạn chế bất hợp lý quyền của bên được chuyển quyền, đặc biệt là các điều khoản không xuất phát từ quyền của bên chuyển quyền. Các điều khoản trong hợp đồng thuộc trường hợp này mặc nhiên bị vô hiệu theo khoản 2 Điều 144 Luật SHTT hợp nhất số 67/VBHN-VPQH năm 2026.

3. Thực trạng pháp luật về thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế

3.1. Những kết quả đạt được về thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế

Thứ nhất, về số đơn sáng chế được nộp/số bằng sáng chế được cấp/Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế/Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế từ năm 2021 đến năm 2024⁶ cụ thể như sau:

Bảng 1. Số lượng đơn sáng chế được nộp/số lượng bằng độc quyền sáng chế được cấp/Hợp đồng chuyển nhượng/hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối với sáng chế

Năm	Số đơn sáng chế được nộp/ số bằng độc quyền sáng chế được cấp		Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế		Hợp đồng chuyển quyền sử dụng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế	
	Số lượng đơn sáng chế được nộp	Số lượng bằng độc quyền sáng chế được cấp	Số lượng đơn đăng ký được nộp	Số lượng hợp đồng được đăng ký	Số lượng đơn đăng ký được nộp	Số lượng hợp đồng được đăng ký
2021	1066	153	171	71	6	2
2022	895	153	153	135	22	8
2023	991	315	193	96	14	16
2024	1226	308	147	92	20	12

(Nguồn: Báo cáo thường niên hoạt động sở hữu trí tuệ hàng năm.
<https://www.ipvietnam.gov.vn/web/guest/bao-cau-hang-nam>)

⁶ Tác giả thống kê số liệu từ “Báo cáo thường niên hoạt động sở hữu trí tuệ năm 2024” trang 88 <https://www.ipvietnam.gov.vn/web/guest/bao-cau-hang-nam>, truy cập ngày 20/5/2026.

Từ bảng số liệu trên cho thấy:

- Về số đơn sáng chế được nộp/số bằng sáng chế được cấp: Số đơn sáng chế được nộp có xu hướng biến động qua các năm. Năm 2021 ghi nhận 1.066 đơn, giảm xuống còn 895 đơn vào năm 2022 (giảm khoảng 16,0%), sau đó tăng trở lại lên 991 đơn năm 2023 và đạt 1.226 đơn năm 2024. Điều này cho thấy hoạt động đăng ký sáng chế có dấu hiệu phục hồi và tăng trưởng trở lại sau giai đoạn suy giảm. Số bằng sáng chế được cấp có sự gia tăng đáng kể trong giai đoạn nghiên cứu. Năm 2021 và 2022 cùng ghi nhận 153 bằng được cấp, đến năm 2023 tăng mạnh lên 315 bằng (tăng 105,9%) và duy trì ở mức cao với 308 bằng năm 2024. Xu hướng này cho thấy hiệu quả xử lý đơn hoặc số lượng đơn đủ điều kiện bảo hộ đã được cải thiện đáng kể trong những năm gần đây.

Về tỷ lệ phần trăm cấp bằng sáng chế (số bằng cấp/số đơn nộp): Năm 2021 $\approx 14,35\%$; Năm 2022 $\approx 17,09\%$; Năm 2023 $\approx 31,79\%$; Năm 2024 $\approx 25,12\%$. Tỷ lệ cấp bằng có xu hướng tăng mạnh từ năm 2022 đến năm 2023, đạt mức cao nhất là 31,79%, trước khi giảm nhẹ xuống còn 25,12% vào năm 2024. Điều này cho thấy chất lượng đơn sáng chế hoặc hiệu quả thẩm định đơn có sự cải thiện đáng kể, mặc dù mức độ cấp bằng chưa hoàn toàn ổn định qua các năm.

- Hợp đồng chuyển nhượng sáng chế. Số đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng sáng chế có sự biến động. Năm 2021 ghi nhận 171 đơn, giảm xuống 153 đơn năm 2022, tăng lên mức cao nhất là 193 đơn năm 2023 rồi giảm còn 147 đơn năm 2024. Điều này cho thấy nhu cầu chuyển giao quyền sở hữu sáng chế vẫn duy trì ở mức tương đối ổn định nhưng chưa hình thành xu hướng tăng trưởng liên tục. Đối với số hợp đồng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký, năm 2021 có 71 trường hợp, tăng mạnh lên 135 trường hợp năm 2022, sau đó giảm xuống còn 96 trường hợp năm 2023 và 92 trường hợp năm 2024. Tỷ lệ chấp thuận cao trong năm 2022 có thể phản ánh việc giải quyết lượng hồ sơ tồn đọng hoặc quá trình xem xét hồ sơ được đẩy nhanh trong giai đoạn này.

- Hợp đồng chuyển quyền sử dụng sáng chế. Số đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng sáng chế nhìn chung còn khá thấp so với hợp đồng chuyển nhượng. Năm 2021 chỉ có 6 đơn, tăng lên 22 đơn năm 2022, giảm xuống 14 đơn năm 2023 và tăng nhẹ lên 20 đơn năm 2024. Điều này cho thấy hoạt động khai thác sáng chế thông qua hình thức li-xăng (licensing) đã được quan tâm hơn nhưng vẫn chưa phổ biến. Số hợp đồng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cũng biến động đáng kể, từ 2 trường hợp năm 2021 lên 8 trường hợp năm 2022, đạt 16 trường hợp năm 2023 rồi giảm xuống 12 trường hợp năm 2024. Mặc dù quy mô còn nhỏ, xu hướng chung cho thấy việc khai thác giá trị kinh tế của sáng chế thông qua chuyển quyền sử dụng đang dần được chú trọng hơn.

Thứ hai, về bằng độc quyền sáng chế của Trung Quốc nộp đơn đăng ký bảo hộ trên lãnh thổ Việt Nam.

Tác giả thống kê về số bằng độc quyền sáng chế của Trung Quốc được nộp đăng ký bảo hộ trên lãnh thổ Việt Nam từ năm 2021 đến năm 2024, cụ thể:

Bảng 2. Chủ thể người Trung Quốc nộp đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam

Năm	Người Trung Quốc nộp đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam
2021	1480
2022	1363
2023	1283
2024	1318

(Nguồn: Báo cáo thường niên hoạt động sở hữu trí tuệ hàng năm, <https://www.ipvietnam.gov.vn/web/guest/bao-cai-hang-nam>)

Từ bảng số liệu trên cho thấy:

Trung Quốc là một trong những quốc gia có số lượng đơn đăng ký sáng chế tại Việt Nam ở mức rất cao. Trong cả giai đoạn nghiên cứu, số đơn đăng ký đều vượt ngưỡng 1.200 đơn mỗi năm, cho thấy Trung Quốc đặc biệt quan tâm đến việc bảo hộ kết quả nghiên cứu, công nghệ và sáng chế tại thị trường Việt Nam.

Xét tổng thể cả giai đoạn, mức độ quan tâm của các chủ thể Trung Quốc đối với thị trường Việt Nam vẫn rất đáng kể. Việc liên tục duy trì số lượng lớn đơn đăng ký sáng chế cho thấy Việt Nam được xem là một thị trường quan trọng trong chiến lược bảo hộ quyền SHTT của các doanh nghiệp Trung Quốc, đặc biệt trong bối cảnh quan hệ thương mại, đầu tư và chuyển giao công nghệ giữa hai quốc gia ngày càng phát triển.

Nhìn chung, số lượng đơn đăng ký sáng chế của các chủ thể Trung Quốc tại Việt Nam trong giai đoạn 2021 - 2024 có xu hướng giảm trong ba năm đầu nhưng đã phục hồi nhẹ vào năm 2024, xu hướng này cho thấy hoạt động bảo hộ sáng chế của các chủ thể Trung Quốc tại Việt Nam vẫn được duy trì ở quy mô lớn. Điều đó phản ánh vai trò ngày càng quan trọng của Việt Nam trong chiến lược bảo hộ và khai thác tài sản trí tuệ của các doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp đến từ Trung Quốc.

3.2. Một số bất cập về thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế tại Việt Nam

Thứ nhất, pháp luật chưa quy định cụ thể về khái niệm thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế. Điều này dẫn đến việc nhận thức và áp dụng pháp luật trong thực tiễn chưa thống nhất, đặc biệt đối với các hoạt động khai thác giá trị thương mại của sáng chế thông qua nhiều hình thức khác nhau như cấp phép, nhượng quyền, góp vốn bằng sáng chế hoặc liên doanh khai thác sáng chế.

Thứ hai, số lượng bằng độc quyền sáng chế được cấp chưa tương xứng với số đơn nộp. Mặc dù số lượng đơn đăng ký sáng chế và số bằng độc quyền sáng chế được cấp có xu hướng gia tăng trong giai đoạn 2021 - 2024, song số lượng hợp đồng chuyển nhượng và đặc biệt là hợp đồng chuyển quyền sử dụng sáng chế vẫn còn rất khiêm tốn. Đồng thời, hiện nay nhiều nhà khoa học nghĩ rằng kết quả nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí quốc tế

hoặc trong nước là niềm vinh dự, nhưng không biết việc công bố đó cũng là một trở ngại trong việc xác lập quyền, và rất dễ rơi vào lý do bị từ chối bảo hộ độc quyền sáng chế do kết quả nghiên cứu đã đăng báo quốc tế trước đó, làm mất tính mới, ví dụ: phần lớn các thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ thì phần sản phẩm chỉ yêu cầu: bài báo đăng trên tạp chí khoa học (kể cả tạp chí quốc tế) + quyết định của Cục SHTT chấp nhận đơn sáng chế hợp lệ (đăng trên Công báo sở hữu công nghiệp tập A), trong khi đó patent thì phải đăng trên Công báo sở hữu công nghiệp tập B - một tiêu chí để được bảo hộ theo Điều 60 Luật SHTT hợp nhất số 67/VBHN-VPQH. Kết quả là, đơn đăng ký sáng chế được nộp, nhưng bằng độc quyền sáng chế không được cấp⁷.

Thứ ba, theo Luật SHTT ngoài hai hình thức thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế là: chuyển nhượng và chuyển quyền sử dụng. Hiện nay, có thể chuyển giao công nghệ, đầu tư, doanh nghiệp, giao dịch bảo đảm đã có quy định khuyến khích chủ sở hữu sáng chế thể chấp, góp vốn để kinh doanh bằng chính sáng chế của mình. Hiện vẫn chưa có các quy định pháp lý chi tiết, đầy đủ về loại tài sản góp vốn (góp vốn bằng quyền sở hữu sáng chế và góp vốn bằng quyền sử dụng sáng chế); thủ tục thể chấp, góp vốn; hệ thống đăng ký tài sản thể chấp để bảo đảm quyền của bên nhận thể chấp, góp vốn, cơ chế, phương pháp định giá tài sản thể chấp, góp vốn trong khi nhu cầu thể chấp, góp vốn để kinh doanh bằng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế ngày càng trở nên cấp thiết ở Việt Nam, nhất là trong giai đoạn phát triển nở rộ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo như hiện nay⁸.

Thứ tư, năng lực đổi mới sáng tạo trong nước còn hạn chế so với các chủ thể nước ngoài. Số liệu thống kê cho thấy các chủ thể Trung Quốc liên tục duy trì trên 1.200 đơn đăng ký sáng chế mỗi năm tại Việt Nam. Điều này phản ánh sức hấp dẫn của thị trường Việt Nam đối với các doanh nghiệp nước ngoài nhưng đồng thời cũng cho thấy sự chênh lệch nhất định về năng lực nghiên cứu, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài. Đồng thời, chưa có sự chuyển đổi trong quy trình, đặc biệt với sự phát triển của công nghệ, của trí tuệ nhân tạo (AI), như Trung Quốc đã sử dụng công nghệ để rút ngắn thời gian thẩm định các đơn đăng ký cấp bằng độc quyền sáng chế cũng như là đơn đăng ký hợp đồng chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng đối với sáng chế tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo thông tin Cục Quản lý Sở hữu trí tuệ Trung Quốc, ngày 07/1/2025 cho biết: Tổng số bằng độc quyền sáng chế hợp lệ của Trung Quốc đã đạt gần 4,76 triệu vào năm 2024, phản ánh sự gia tăng đáng kể về cả số lượng và chất lượng quyền SHTT. Trung Quốc được xếp hạng là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới về các đơn xin cấp bằng sáng chế quốc tế theo Hiệp ước hợp tác về sáng chế (PCT), bằng cách sử dụng công

⁷ Đoàn Đức Lương, Đỗ Thị Diễm (2017) *Thương mại hóa quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế - nhìn từ góc độ các trường đại học nói chung và Đại học Huế nói riêng*, Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn, số 2/2017, tr.1-8.

⁸ Thu Hiền (2025) “*Nâng cao hiệu quả khai thác và thương mại hóa sáng chế*”, truy cập tại <https://chinhhsachcuocsong.vn/vn/nang-cao-hieu-qua-khai-thac-va-thuong-mai-hoa-sang-che/71088.html>, truy cập ngày 17/5/2026.

nghe AI (trí tuệ nhân tạo), Trung Quốc đã đạt được tiến bộ đáng kể về hiệu quả thẩm định bằng độc quyền sáng chế. Thời gian thẩm định trung bình đối với bằng sáng chế đã được rút ngắn xuống còn 15,5 tháng. Đồng thời, năm 2024, tổng cộng có 613.000 giấy phép chuyển nhượng quyền sở hữu bằng sáng chế được nộp trên toàn quốc, tăng 29,9% so với năm 2023⁹.

Thứ năm, mặc dù hoạt động đăng ký, khai thác và thương mại hóa sáng chế có xu hướng tăng trong những năm vừa qua, nhưng chất lượng, số lượng các sáng chế của người Việt còn khiêm tốn, phần lớn các sáng chế mới chỉ giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong quá trình sản xuất đơn lẻ, nhiều sáng chế được bảo hộ không phục vụ cho mục đích khai thác, thương mại mà để ngăn ngừa các đối thủ cạnh tranh trong ngành nên hiệu quả mang lại chưa cao. Tuy nhiên, so với một số quốc gia, số bằng sáng chế của người Việt được cấp còn rất khiêm tốn, chỉ bằng 1/3 của Thái Lan, 1/11 Malaysia, 1/30 Singapore, 1/1.240 của Hàn Quốc và 1/3.170 của Trung Quốc. Hơn nữa, số lượng bằng sáng chế được đăng ký bởi các doanh nghiệp Việt Nam hầu như không đáng kể, bởi việc đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ còn rất hạn chế, trung bình khoảng 0,5-1,5%/doanh thu (ngoại trừ một số doanh nghiệp lớn như Viettel)¹⁰.

4. Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế

Thứ nhất, bổ sung quy định về khái niệm thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế trong Luật SHTT và văn bản hướng dẫn thi hành. Tác giả kiến nghị bổ sung khoản mới vào Điều 4 Luật SHTT (Giải thích từ ngữ) hoặc bổ sung tại Nghị định số 65/2023/NĐ-CP theo hướng quy định: “*Thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế là việc chủ sở hữu sáng chế hoặc chủ thể được pháp luật cho phép khai thác quyền đối với sáng chế được bảo hộ nhằm tạo ra giá trị thương mại thông qua việc thực hiện các quyền tài sản theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật có liên quan*”. Việc bổ sung khái niệm này sẽ tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc xây dựng chính sách phát triển thị trường công nghệ, hoàn thiện cơ chế giao dịch tài sản trí tuệ, xác định phạm vi điều chỉnh của các quy định về chuyển giao công nghệ và SHTT, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về khai thác và thương mại hóa sáng chế trong bối cảnh phát triển nền kinh tế đổi mới sáng tạo.

Thứ hai, nâng cao năng lực tạo lập và khai thác quyền SHTT trong hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo. Giải pháp trọng tâm là tăng cường hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và tư vấn về quyền SHTT cho đội ngũ nhà khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp, qua đó nâng cao nhận thức về điều kiện bảo hộ sáng chế, đặc biệt là yêu cầu về tính mới theo quy định của Luật SHTT. Đồng thời, đề xuất bổ sung quy định trong các văn bản quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng tổ chức chủ trì có trách nhiệm kiểm

⁹ China's valid invention patents hit nearly 4.76 mln in 2024, truy cập tại <https://www.wam.ae/en/article/bhkJ97p-chinas-valid-invention-patents-hit-nearly-476-mln>, truy cập ngày 17/5/2026.

¹⁰ Nguyễn Hữu Xuyên, “Cần những giải pháp đồng bộ để thúc đẩy khai thác, thương mại hóa sáng chế”, truy cập tại <https://sti.vista.gov.vn/publication/view/9245a67bbf0039df4e67618b96ed623a-b58d54ef279025cca91fa92e5b01b50b-270469.html>, truy cập ngày 17/5/2026.

soát việc công bố kết quả nghiên cứu trước thời điểm nộp đơn đăng ký sáng chế nhằm hạn chế nguy cơ làm mất tính mới của sáng chế do công bố công khai. Quy định này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư công cho nghiên cứu, đồng thời gia tăng khả năng thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học.

Thứ ba, hoàn thiện hệ sinh thái thương mại hóa sáng chế và phát triển thị trường công nghệ. Giải pháp trọng tâm là xây dựng hệ sinh thái chuyển giao công nghệ đồng bộ, trong đó Nhà nước giữ vai trò kiến tạo và thúc đẩy sự phát triển của thị trường công nghệ. Đồng thời, bổ sung quy định về xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về sáng chế có tiềm năng thương mại hóa, kết hợp với việc phát triển sàn giao dịch công nghệ trực tuyến để kết nối hiệu quả giữa chủ sở hữu sáng chế và các doanh nghiệp có nhu cầu tiếp nhận, khai thác công nghệ. Giải pháp này không chỉ góp phần minh bạch hóa thông tin thị trường công nghệ mà còn thúc đẩy lưu thông tài sản trí tuệ, phù hợp với kinh nghiệm đã được nhiều quốc gia có hệ thống đổi mới sáng tạo phát triển áp dụng.

Thứ tư, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo trong nước và hiện đại hóa hoạt động quản lý nhà nước về SHTT thông qua việc thực hiện cấp phép mở cho các bằng sáng chế do trường đại học nghiên cứu, phát triển theo cách làm của Trung Quốc. Cục Sở hữu Trí tuệ Quốc gia Trung Quốc (CNIPA) đã phát hành kế hoạch về việc tổ chức và thực hiện hành động ươm tạo quan hệ đối tác giữa các trường đại học và doanh nghiệp để hợp tác đổi mới sáng tạo, nhằm tổ chức và thúc đẩy hơn 1.000 trường cao đẳng hỗ trợ hơn 10.000 doanh nghiệp để đạt được sự phát triển chất lượng cao. Để sử dụng hiệu quả quyền SHTT, hành động hợp tác giữa trường học và doanh nghiệp sẽ thúc đẩy việc thực hiện cấp phép mở đối với các bằng sáng chế do trường đại học phát triển¹¹. CNIPA đã triệu tập các phiên họp đặc biệt để triển khai việc thực hiện cấp phép mở bằng sáng chế và đã phân bổ hai đề án chi tiết cho các sở và chính quyền SHTT địa phương, với mục đích huy động hơn 100 trường cao đẳng tham gia trong một chương trình thử nghiệm và cuối cùng thu hút hơn 1.000 bằng sáng chế vào cuối năm 2022 và nỗ lực nâng cao hiệu quả thương mại hóa bằng sáng chế, công bố giấy phép mở cho 3.375 bằng sáng chế đã được đẩy cho 19.000 doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (SME) có nhu cầu phù hợp, dẫn đến việc ký kết 587 thỏa thuận cấp phép.

Thứ năm, Việt Nam mặc dù đã ban hành các chính sách khen thưởng đối với các bằng độc quyền sáng chế có khả năng ứng dụng vào sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, các chính sách này cần được luật hóa trong văn bản pháp luật, tham khảo cách làm của Trung Quốc, để đạt được những kết quả cao về thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế, Trung Quốc thực hiện sửa đổi Luật Sáng chế năm 2023 với điểm mới tiến bộ là: Theo khoản 3 Điều 6 Luật Sáng chế Trung Quốc quy định về chính sách khen thưởng cho người sáng chế (tác giả sáng chế) như: Từ ngày 20/01/2024, sau khi sáng chế được cấp, nhà sáng chế hoặc nhà thiết kế sẽ nhận được phần thưởng bằng tiền mặt một lần trong vòng ba tháng kể từ ngày công bố

¹¹ China IP News (2022), “Patent Commercialization Activities at Chinese Universities Skyrocket in Past Decade”, truy cập tại https://english.cnipa.gov.cn/art/2022/8/3/art_2829_176992.html, truy cập ngày 25/5/2026.

bằng sáng chế. Phần thưởng tối thiểu cho bằng sáng chế là 4.000 RMB (khoảng 560 USD)¹². Đồng thời, theo Điều 104 của Luật và quy định hành chính không có hiệu lực hồi tố. Do đó, các quy định nêu trên trong Quy định thực hiện Luật sáng chế hiện hành chỉ áp dụng đối với các bằng sáng chế được cấp vào hoặc sau ngày 20/01/2024. Các bằng sáng chế được cấp trước ngày này phải tuân theo các tiêu chuẩn khen thưởng thấp hơn trước đó, tức là, mức khen thưởng tối thiểu cho một bằng sáng chế là 3.000 RMB (khoảng 420 USD). Mặc dù các tiêu chuẩn cũ áp dụng cho các bằng sáng chế được cấp trước ngày 20/01/2024, nhưng nếu các hoạt động kinh tế như chuyển nhượng bằng sáng chế, cấp phép, đầu tư vốn chủ sở hữu hoặc triển khai diễn ra sau ngày này, các quy định mới sẽ được áp dụng, có khả năng mang lại cho các nhà sáng chế lợi nhuận tiếp theo cao hơn¹³.

5. Kết luận

Từ những phân tích về thực trạng pháp luật có thể nhận định rằng hiệu quả thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế tại Việt Nam không phụ thuộc vào sự tồn tại của cơ chế xác lập và bảo hộ quyền, mà phụ thuộc vào quy định của pháp luật trong việc tạo lập một môi trường pháp lý thuận lợi cho quá trình chuyển hóa giá trị công nghệ thành giá trị kinh tế. Hoàn thiện pháp luật về thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế là giảm thiểu những điểm nghẽn pháp lý trong giao dịch quyền đối với sáng chế, nâng cao tính minh bạch của thị trường công nghệ và tạo cơ chế phân bổ lợi ích hợp lý giữa chủ sở hữu, tác giả, doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu và các chủ thể tham gia khai thác sáng chế. Đây là điều kiện quan trọng để chuyển từ mô hình “bảo hộ quyền” sang “bảo hộ gắn với khai thác giá trị của quyền”.

Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy thương mại hóa sáng chế chỉ đạt hiệu quả cao khi được đặt trong mối liên hệ hữu cơ với chính sách đổi mới sáng tạo, thị trường công nghệ và năng lực của doanh nghiệp. Việc xây dựng cơ chế khuyến khích sáng tạo, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, ứng dụng công nghệ số trong quản lý quyền sở hữu trí tuệ và tăng cường kết nối giữa cơ sở nghiên cứu với doanh nghiệp đã góp phần rút ngắn khoảng cách từ kết quả nghiên cứu đến sản phẩm, dịch vụ và giá trị thương mại. Tuy nhiên, kinh nghiệm này không thể được tiếp nhận theo hướng sao chép mô hình pháp luật, mà cần được chuyển hóa phù hợp với điều kiện thể chế, trình độ thị trường và cấu trúc hệ thống đổi mới sáng tạo của Việt Nam.

Vì vậy, hoàn thiện pháp luật về thương mại hóa bằng độc quyền sáng chế tại Việt Nam không chỉ thông qua số lượng bằng độc quyền sáng chế được cấp mà còn nâng cao khả năng khai thác thực tế, số lượng và chất lượng giao dịch chuyển giao quyền, mức độ tham gia của doanh nghiệp, khả năng hình thành các tài sản trí tuệ có giá trị và đóng góp của sáng chế vào năng suất, năng lực cạnh tranh và tăng trưởng kinh tế. Đây cũng là cơ sở để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực khoa học và công nghệ, thúc đẩy liên kết giữa nghiên cứu và sản xuất, gia

¹² Li Mi “China: Overview of Service Invention and Reward Regulations”, truy cập tại <https://rouse.com/insights/news/2024/china-overview-of-service-invention-and-reward-regulations>, truy cập ngày 17/5/2026.

¹³ “China proposes law change to encourage commercialisation of inventions”, <https://www.pinsentmasons.com/out-law/news/china-proposes-law-change-to-encourage-commercialisation-of-inventions>, truy cập ngày 17/5/2026.

tăng năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp và từng bước hình thành thị trường công nghệ vận hành minh bạch, hiệu quả trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế tri thức toàn cầu.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2005). Luật Sở hữu trí tuệ 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022 và 2025 (Văn bản hợp nhất số 67/VBHN-VPQH, năm 2026).
2. Trung Quốc (1984). Luật sáng chế của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 1984 sửa đổi năm 2000, 2023.
3. Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam, *Báo cáo thường niên hoạt động sở hữu trí tuệ hàng năm*, truy cập tại <https://www.ipvietnam.gov.vn/web/guest/bao-cao-hang-nam>, truy cập ngày 20/5/2026.
4. Đoàn Đức Lương, Đỗ Thị Diễm (2017). *Thương mại hóa quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế - nhìn từ góc độ các trường đại học nói chung và Đại học Huế nói riêng*, Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn, số 2/2017.
5. Lê Đức Hiền (2021). “*Pháp luật về khai thác thương mại đối với sáng chế của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*”, Tạp chí Pháp luật và Kinh tế, số 5 (350) - 2021.
6. Thu Hiền (2025). “Nâng cao hiệu quả khai thác và thương mại hóa sáng chế”, truy cập tại <https://chinhsachcuocsong.vn/vnnet.vn/nang-cao-hieu-qua-khai-thac-va-thuong-mai-hoa-sang-che/71088.html>, truy cập ngày 17/5/2026.
7. *China's valid invention patents hit nearly 4.76 mln in 2024*, truy cập tại <https://www.wam.ae/en/article/bhkJ97p-chinas-valid-invention-patents-hit-nearly-476-mln>, truy cập ngày 17/5/2026.
8. Li Mi. “*China: Overview of Service Invention and Reward Regulations*”, <https://rouse.com/insights/news/2024/china-overview-of-service-invention-and-reward-regulations>, truy cập ngày 17/5/2026.
9. “*China proposes law change to encourage commercialisation of inventions*”, truy cập tại <https://www.pinsentmasons.com/out-law/news/china-proposes-law-change-to-encourage-commercialisation-of-inventions>, truy cập ngày 17/5/2026.
10. Nguyễn Hữu Xuyên, “*Cần những giải pháp đồng bộ để thúc đẩy khai thác, thương mại hóa sáng chế*”, truy cập tại <https://sti.vista.gov.vn/publication/view/9245a67bbf0039df4e67618b96ed623a-b58d54ef279025cca91fa92e5b01b50b-270469.html>, truy cập ngày 17/5/2026.
11. China IP News (2022), “*Patent Commercialization Activities at Chinese Universities Skyrocket in Past Decade*”, truy cập tại https://english.cnipa.gov.cn/art/2022/8/3/art_2829_176992.html, truy cập ngày 25/5/2026.